

Bản án số: 20/2017/HSST

Ngày: 07/7/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Chí Hậu**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Hơn** - Chủ tịch Hội đồng y huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

2. Bà **Bùi Thị Lệ Quyên** - Phó Ban pháp chế Hội đồng nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diễm My** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách tham gia phiên tòa: Ông **Huỳnh Trung Tính** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Hưng Khánh Trung B, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 17/2017/HSST ngày 06 tháng 6 năm 2017 đối với bị cáo:

Phạm Văn Q, sinh năm 1991;

Đăng ký thường trú tại: Không có.

Chỗ ở: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Nghề nghiệp: Làm thuê.

Trình độ văn hóa: Không.

Con ông Quách Văn H, sinh năm 1952 và bà Phạm Thị S (chết);

Có vợ là Lê Thị Diễm H, sinh năm 1993 và 01 con sinh năm 2015;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giam ngày 11/4/2017 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại:*

1. Ông Huỳnh Văn K, sinh năm 1967;

2. Bà Nguyễn Thị Hà E, sinh năm 1969;

Cùng trú tại: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Hà E là ông Huỳnh Văn K.
Có mặt

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Ngô Văn L, sinh năm 1985; Có mặt

Trú tại: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Phạm Văn Q bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 15/12/2016, Phạm Văn Q đến nhà của anh Ngô Văn L, sinh năm 1985, đăng ký thường trú: ấp Thanh Trung, xã Hưng Khánh Trung B, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre để chơi. Tại đây, L và Q có tổ chức uống rượu, đến khoảng 15 giờ cùng ngày, L rủ Q đến nhà của ông Huỳnh Văn K, sinh năm 1967, ngụ cùng ấp để dự tiệc sinh nhật. L và Q dự tiệc đến khoảng 18 giờ 30 phút thì cả hai ra về. Trên đường về, Q phát hiện 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại FUTURE, màu đen-đỏ, biển kiểm soát 71C4-116.27 của ông K đang đậu cách nhà khoảng 15m không có người trông coi và trên xe có gắn chìa khóa nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Để thực hiện, Q quay đầu xe lại, mở khóa điện, khởi động máy và chở L về nhà. Khi về đến nhà, L điều khiển xe trên đi mua thuốc nhưng do say rượu nên trên đường đi bị ngã xe. Sau đó, L được Nguyễn Minh T, sinh năm 1987, đăng ký thường trú: ấp An Quy, xã Long Thới, huyện Chợ Lách chở về nhà, còn Q điều khiển xe mô tô 71C4-116.27 đi đến Thành Phố Hồ Chí Minh cầm với giá 7.000.000 đồng. Sau khi phát hiện mất xe, ông K đến trình báo Công an xã Hưng Khánh Trung B giải quyết. Quá trình điều tra, Phạm Văn Q khai nhận toàn bộ hành vi.

Vật chứng thu giữ: Không.

Trong quá trình điều tra Phạm Văn Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với những chứng cứ đã thu thập được.

Cáo trạng số 17/KSĐT-KT ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách đã quyết định truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách để xét xử Phạm Văn Q về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Q phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội; Công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân tối

cao; điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Q từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

* Về trách nhiệm dân sự:

- Đề nghị buộc bị cáo Q bồi thường cho người bị hại ông Huỳnh Văn K và bà Nguyễn Thị Hà E số tiền 20.880.000 đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với nội dung Cáo trạng, lời trình bày của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định:

Vào khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 15 tháng 12 năm 2016, tại nhà ông Huỳnh Văn K và bà Nguyễn Thị Hà E tại ấp Thanh Trung, xã Hưng Khánh Trung B, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, Phạm Văn Q đã lén lút chiếm đoạt một xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại FUTURE, màu đen-đỏ, biển kiểm soát 71C4-116.27 của ông K, bà E.

Tại kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐG ngày 09/01/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre kết luận về giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt như sau: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại FUTURE, màu đen-đỏ, biển kiểm soát 71C4-116.27, số máy JC53E-1026685, số khung: RLHJC5339DY026635, đã qua sử dụng trị giá 20.880.000đ (Hai mươi triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng).

Hành vi của bị cáo là hành vi cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ, tài sản mà bị cáo chiếm đoạt có giá trị là 20.880.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Phạm Văn Q đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách truy tố đối với bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội.

Bị cáo biết việc chiếm đoạt tài sản trái với ý muốn của chủ sở hữu là vi phạm pháp luật, bị xã hội lên án nhưng vì động cơ tư lợi bất chính, muốn có được tiền tiêu xài cá nhân mà không phải lao động chính đáng nên bị cáo đã thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp và tội phạm đã hoàn thành.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương nơi bị cáo thực hiện tội phạm, tạo sự bất bình, gây hoang mang trong quần chúng

nhân dân, làm mọi người không an tâm trong lao động, sinh hoạt, nghỉ ngơi. Vì vậy cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra.

Xét về nhân thân, bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị kết án: Ngày 04/7/2008 bị Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 10/11/2010 bị Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 13/6/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo không lấy đó làm bài học để khắc phục bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Điều đó cho thấy bị cáo là đối tượng khó giáo dục, cải tạo, coi thường sự trừng trị của pháp luật, chưa ăn năn hối cải.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Xét tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, có ông nội là ông Quách Công T có công trong cuộc kháng chiến chống Pháp - chống Mỹ là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999. Ngoài ra, bị cáo còn có cha là ông Quách Văn H có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ. Căn cứ theo Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội; Công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, tình tiết này được xác định là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện có ích cho xã hội, răn đe và phòng ngừa chung.

* Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại ông Huỳnh Văn K và bà Nguyễn Thị Hà E yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 20.880.000 đồng do xe mô tô 71C4-116.27 bị chiếm đoạt không thu hồi được. Bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông K và bà E. Xét thấy phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận, buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho ông K và bà E số tiền 20.880.000 đồng.

Đối với Ngô Văn L đã có hành vi sử dụng xe mô tô 71C4-116.27 nhưng L không biết tài sản trên do bị cáo Q phạm tội mà có nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 1.044.000 đồng theo quy định tại Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết quy định về án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Phạm Văn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.**

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Q 02 (Hai) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo là ngày 11/4/2017.

- Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 604, Điều 605, Điều 606, Điều 608 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

2. Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Phạm Văn Q phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Huỳnh Văn K và bà Nguyễn Thị Hà E số tiền 20.880.000đ (Hai mươi triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết quy định về án phí và lệ phí tòa án:

3. Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Phạm Văn Q phải chịu là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Phạm Văn Q phải chịu là 1.044.000đ (Một triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Bị cáo, người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT-TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- CA huyện Chợ Lách;
- Chi cục T.H.A DS Chợ Lách;
- Những người TGTT;
- Lưu HSV&A+ HSTHA+VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Chí Hậu